TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2019
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên toà.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 542/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Ngô Nam S,** sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã C, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2018 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Ngô Nam S do mai mối tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07 tháng 9 năm

1998. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp D, xã C, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị và anh S không còn sống chung từ tháng 11 năm 2016 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Nam S.

- *Về con chung:* Có 01 người con chung tên Ngô Thị Kim N, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2000 hiện cháu N đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Đối với bị đơn anh Ngô Nam S:***

Anh Ngô Nam S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp D, xã C, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long hiện anh S có mặt tại địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh S cố tình không hợp tác.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: giấy chứng nhận kết hôn bản gốc; đơn xin xác nhận hộ khẩu và nơi sinh sống của bị đơn, trích lục khai sinh bản sao.

Bị đơn anh Ngô Nam S không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên anh S không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Ngô Nam S cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, anh S biết chị H yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S, theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Nam S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do mai mối có tổ chức lễ cưới vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07 tháng 9 năm 1998. Theo lời trình bày của chị H thời

gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc, tình cảm vợ chồng phai nhạt, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Trong đời sống chung vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Ngô Thị Kim N, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2000. Hiện cháu Kim N đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Ngô Nam S.

[2] Con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Nam S có một con chung là cháu Ngô Thị Kim N, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2000. Hiện cháu Kim N đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0009373 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui